TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quang P".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Đức Bảo.
2. Bà Trần Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Liễn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà 04 Nguyễn Khoa Đăng, tổ dân phố 7, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Quang P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Phương An, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quang P yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 03/10/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ bà T ở phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế được một thời gian sau đó thuê nhà ra ở riêng làm ăn và sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay gây gổ nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng có xảy ra xung đột, bà T nhiều lần mời bố mẹ hai gia đình đến giải quyết nhưng không có kết quả gì, mâu thuẫn cứ lặp đi lặp lại nên năm 2013 ông P về sinh sống tại gia đình bố mẹ ông P ở thôn Phương An, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà T

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Hòa M, sinh ngày 29/5/2009, hiện cháu M đang sinh sống với bà T. Nếu ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Trần Quang P: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Quang P vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Quang P. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hòa M, sinh ngày 29/5/2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thanh không yêu cầu ông Trần Quang P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 08/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án và đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông Trần Quang P nhưng ông P thường xuyên đi làm ăn nên đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hết thời hạn thông báo, nhưng ông P không có bản trình bày ý kiến nên Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 12/01/2023 và ngày 31/01/2023 nhưng ông P vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ với sự chứng kiến của bà T và ban hành thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ gửi cho ông P. Ngày 16/2/2023, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 09/3/2023; tại phiên tòa bà T có mặt, riêng ông P vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 16/3/2023. Tại

phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có mặt, bị đơn ông Trần Quang P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T với ông Trần Quang P là hôn nhân hợp pháp, yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 03/10/2007. Theo bà T trình bày, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau và ngày càng nghiêm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương thì vợ chồng bà Th và ông P sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác vợ chồng bà T và ông P sống ly thân từ năm 2013 đến nay nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Quang P có 01 con chung là cháu Trần Thị Hòa M, sinh ngày 29/5/2009, hiện cháu M đang sinh sống với bà T. Nếu ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung; thấy rằng hiện tại bà T có việc làm ổn định, có thu nhập, hơn nữa hiện cháu M đang sinh sống với bà T và nguyện vọng của cháu M là mong muốn ở với bà T để thuận lợi trong việc học tập, do đó cần giao cháu Trần Thị Hòa M, sinh ngày 29/5/2009 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về mặt tình cảm: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Quang P.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Thị Hòa M, sinh ngày 29/5/2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Trần Quang P cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000310 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư .

Phan Hồng Phước